

QUAN HỆ ĐẦU TƯ CỦA ASEAN TRONG BỐI CẢNH HÌNH THÀNH AEC 2015

Nguyễn Cẩm Nhung và Nguyễn Thị Hải Lê

Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN

Tóm tắt

Bài viết này phân tích và đánh giá quan hệ đầu tư của ASEAN trong bối cảnh hình thành Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC), đặc biệt tập trung vào phân tích quan hệ đầu tư nội khối và ngoại khối của ASEAN giai đoạn 1995-2013. Số liệu chỉ ra rằng, tỷ trọng đầu tư ngoại khối vào ASEAN vẫn luôn giữ vai trò chủ đạo trong tổng dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào ASEAN. ASEAN kỳ vọng sẽ trở thành một công xưởng sản xuất chung với nguồn lực thống nhất, đặc biệt là nguồn nhân lực có kỹ năng với giá còn tương đối rẻ sau khi AEC được hình thành vào cuối 2015. Điều này sẽ giúp ASEAN trở thành một khu vực hấp dẫn hơn nữa đối với các nhà đầu tư từ các nước phát triển và các nước thành viên cũng sẽ được hưởng lợi từ điều này. Bài viết đúc rút ra một số hàm ý cho Việt Nam trong chiến lược thay đổi cơ cấu sản xuất và mô hình tăng trưởng để đón nhận các cơ hội đầu tư hiệu quả trong bối cảnh mới này.

Abstract

This paper aims to analyze and assess the investment corporation in ASEAN in the context of undergoing establishment of ASEAN Economic Community (AEC), especially focuses on the intra-ASEAN and inter-ASEAN investment relationships from 1995 to 2013. Analyzed statistics refer that inter-ASEAN investment accounted for a major proportion of FDI into ASEAN. Prospectively, ASEAN will become a single market and production base with unified resources, especially qualified and comparatively low-cost labor, which makes ASEAN more dynamic, competitive and attractive to foreign investors and distributes benefits amongst member states. The paper, in additional, attempts to draw implications of growth models and production structure's innovation which eventually appeals more investment into Vietnam in the future.

Từ khóa: FDI, IGA, AIA, ACIA, ASEAN và AEC

1. Giới thiệu

Vào tháng 10 năm 2003, tại Bali, các nước thành viên ASEAN đã đồng thuận về việc thành lập Cộng đồng ASEAN vào năm 2020 với ba trụ cột chính gồm Cộng đồng Chính trị - An ninh (APSC), Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) và Cộng đồng Văn hóa - Xã hội (ASCC). Để thúc đẩy nhanh việc thực hiện các tầm nhìn, vào tháng 1 năm 2007 các nhà Lãnh đạo ASEAN đã nhất trí việc thiết lập AEC vào năm 2015 thay vì vào năm 2020 như đã thỏa thuận trước đây. Đến cuối năm 2015, ASEAN sẽ trở thành (1) một thị trường duy nhất và cơ sở sản xuất thống nhất, trong đó có sự lưu chuyển tự do của hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, và sự chu chuyển tự do hơn đối với các nguồn vốn và lao động có tay nghề; (2) một khu vực kinh tế có sức cạnh tranh cao; (3) một khu vực phát triển kinh

tế đồng đều đặc biệt phải làm sao để giúp các thành viên kém phát triển có thể bắt kịp nhanh với những nước phát triển nhằm thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các nhóm nước thành viên này như sáng kiến Hội nhập ASEAN (IAI) đã được đưa ra vào năm 2000 bởi các nhà Lãnh đạo ASEAN; (4) một khu vực ASEAN hội nhập đầy đủ vào nền kinh tế toàn cầu.

Về cơ bản sau khi AEC hình thành, đây sẽ là một thị trường có thuế suất lưu thông các loại hàng hóa được cắt giảm dần về 0% giữa 10 nước thành viên ASEAN với trên 600 triệu dân. Có thể nói, đây là lợi ích to lớn khi AEC được thiết lập, bởi đây chính là động lực kích thích xuất khẩu, thu hút đầu tư và tăng trưởng kinh tế của các nước thành viên. Như vậy, chỉ còn hơn một năm nữa, thời khắc quan trọng đánh dấu sự ra đời của AEC sẽ đến. Cho đến nay, các nước thành viên đã cùng thực hiện được khoảng hơn 80% lộ trình Kế hoạch tổng thể cho việc hình thành AEC. Tuy nhiên, 20% còn lại là những khó khăn mà từng nước sẽ phải nỗ lực để hoàn thành. Do đó, mỗi nước thành viên sẽ cần có chiến lược phát triển phù hợp, các mục tiêu phù hợp, tìm kiếm các thị trường phù hợp, các thị phần phù hợp, các loại hàng hóa chủ lực phù hợp cho mình. Bên cạnh đó, các nước thành viên cũng cần phải củng cố liên kết nội khối trong ASEAN và gia tăng xây dựng hợp tác cả thương mại và đầu tư với các đối tác của ASEAN như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Úc, Niu Dilân và EU.

Về vấn đề đầu tư trong nội khối ASEAN cũng như giữa ASEAN và các đối tác đã được bàn luận và nghiên cứu khá nhiều. Trong đó có các công trình nổi bật là C.Lin (2010), Shujiro Urata và Mitsuyo Ando (2011), và Nguyễn Anh Thu và cộng sự (2013). Shujiro Urata và Mitsuyo Ando (2011) cho rằng môi trường đầu tư của các nước ASEAN dù khác nhau vẫn có những hạn chế chung đang tồn tại, trở thành rào cản trực tiếp hoặc gián tiếp cho các dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào khu vực. Những hạn chế đó không chỉ nằm trong bản thân các chính sách đầu tư mà còn ở chính phương pháp thực hiện các chính sách đầu tư ở mỗi quốc gia. Nghiên cứu nỗ lực đóng góp những giải pháp để cải thiện chính sách thu hút và khuyến khích đầu tư ở các quốc gia ASEAN nhằm làm tăng nguồn FDI được đổ vào hàng năm. C.Lin (2010) nhận định rằng đứng trước cột mốc AEC được hình thành vào cuối năm 2015, các nước ASEAN vẫn còn phải đối mặt nhiều thử thách về lĩnh vực đầu tư do sự chênh lệch về phát triển giữa các nước trong khu vực. Trong bối cảnh đó, nghiên cứu nỗ lực đi tìm câu trả lời cho các câu hỏi “Liệu các nước thành viên ASEAN có những sự khác biệt nào về môi trường đầu tư và luật pháp đầu tư?” và “Các nước thành viên ASEAN đang hợp tác đầu tư theo những quy tắc chung do ASEAN đề ra hay là theo những quy tắc riêng biệt của từng quốc gia?”. Nghiên cứu phần nào đã chỉ ra những gợi ý về môi trường đầu tư và luật pháp đầu tư ở ASEAN. Nguyễn Anh Thu và cộng sự (2013) đã sử dụng mô hình kinh tế lượng để nghiên cứu về mối quan hệ giữa chỉ số năng lực cạnh tranh toàn cầu (GCI) và khả năng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) của các nước ASEAN. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng FDI vào ASEAN có sự chuyển dịch đầu tư sang dịch vụ và các ngành thâm dụng trí thức. Chính vì vậy, Chính phủ các nước cần có các chính sách cải tạo và phát triển lĩnh vực tác động mạnh mẽ nhất đến việc thu hút đầu tư FDI cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo bậc cao.

Trong thời điểm hiện tại, khi mà cột mốc cuối năm 2015 đang đến rất gần thì việc nhìn lại và đánh giá quan hệ đầu tư giữa Việt Nam và các nước ASEAN trong suốt chiều dài lịch sử kể từ khi Việt Nam gia nhập ASEAN vào năm 1995 đến nay là một điều cần thiết nhằm rút ra được những hàm ý cho Việt Nam trong việc thu hút đầu tư nội khối và ngoại khối ASEAN trong tương lai.

2. Khung khổ hợp tác đầu tư trong AEC

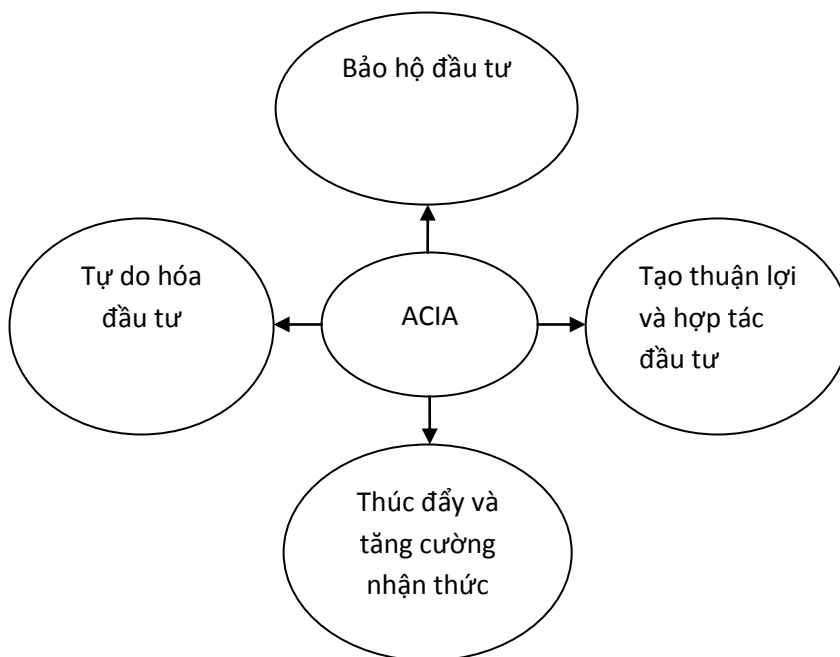
2.1. Hiệp định khung về Khu vực đầu tư ASEAN (AIA)

Hiệp định khung về Khu vực đầu tư ASEAN (AIA) được kí kết bởi các Bộ trưởng ASEAN vào ngày mùng 7 tháng 10 năm 1998 tại Manila trong bối cảnh nhận thức được tầm quan trọng của FDI đối với sự phát triển của từng quốc gia thành viên ASEAN nói riêng và sự phát triển của ASEAN như một khu vực đầu tư thống nhất nói chung. Hiệp định khung về Khu vực đầu tư ASEAN đã tạo nên một bước ngoặt trong tư duy và tầm nhìn của các nhà Lãnh đạo ASEAN lúc bấy giờ về vai trò của đầu tư khu vực, nhất là trong việc biến ASEAN trở thành một khu vực đầu tư đơn nhất. Cũng theo AIA, nhằm tăng cường thúc đẩy một dòng vốn đầu tư tự do hơn trong khu vực tạo nên một khu vực hấp dẫn nhất, các nước đã quyết tâm hướng đến những quy định đầu tư được đơn giản hóa thông qua sự minh bạch các quy tắc, thủ tục cũng như các chính sách điều hành về đầu tư.

2.2 Hiệp định đầu tư toàn diện ASEAN (ACIA)

Nằm trong Kế hoạch tổng thể xây dựng Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC Blueprint, 2009), Hiệp định đầu tư toàn diện ASEAN (ACIA) đã được xây dựng trên nền tảng hai Hiệp định đầu tư trước đó là Hiệp định AIA và Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư ASEAN (IGA) (được ban hành năm 1987). Hiệp định ACIA được kí kết vào tháng 2 năm 2012 và có hiệu lực từ ngày 29 tháng 3 năm 2012, với các trụ cột là (1) bảo hộ đầu tư; (2) tạo thuận lợi và hợp tác đầu tư; (3) thúc đẩy môi trường đầu tư và tăng cường nhận thức và (4) tự do hóa đầu tư. ACIA đã đưa ra các định nghĩa liên quan tới khu vực đầu tư ASEAN một cách toàn diện hơn và có các biện pháp cụ thể nhằm tự do hóa đầu tư, bảo hộ đầu tư, xúc tiến và thuận lợi hóa đầu tư nhằm bảo đảm lợi ích của các nhà đầu tư, bảo đảm nguyên tắc về đối xử quốc gia cũng như nâng cao nhận thức của ASEAN về một môi trường đầu tư khu vực mang tính chất thống nhất.

Hình 1: Các trụ cột của ACIA



Với tham vọng hình thành AEC vào năm 2015, nhiều điều khoản trong AIA và IGA đã được cho là chưa đáp ứng được mục tiêu mà AEC đặt ra vì AIA chỉ bao gồm các thỏa thuận về tiếp cận thị trường, các thỏa thuận về khuyến khích và bảo hộ đầu tư nên IGA cũng trở nên lạc hậu với tình hình đầu tư, thương mại trong khu vực. IGA và AIA cũng mang tính phân biệt đối xử đối với nhà đầu tư nước ngoài tại ASEAN. Điều này có thể được lý giải bởi trong bối cảnh ban hành hai hiệp định trên là thời điểm ASEAN bắt đầu có những động thái tích cực nhằm khuyến khích ưu tiên cho quyền lợi của các nhà đầu tư ASEAN. Tuy nhiên, thời điểm ban hành ACIA trong bối cảnh toàn cầu hóa và khu vực hóa diễn ra mạnh mẽ nên ACIA được ban hành nhằm đảm bảo cho nguyên tắc đối xử bình đẳng giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài, không có sự phân biệt đối xử với nhà đầu tư ASEAN. Hiệp định ACIA kế thừa các quy định của IGA và AIA nhưng đã đưa ra nhiều điểm mới nhằm cải thiện môi trường đầu tư của khu vực để phù hợp với bối cảnh thực tiễn hợp tác kinh tế. Điều này được thể hiện rõ hơn ở bảng so sánh giữa Hiệp định IGA, AIA và ACIA dưới đây.

Bảng 1. So sánh Hiệp định AIA, IGA và ACIA

So sánh	ACIA	AIA/IGA
Giống nhau	<p>ACIA, AIA và IGA cùng thống nhất một mục tiêu chung là phát triển môi trường đầu tư ASEAN để thu hút đầu tư nội khối và đầu tư trực tiếp nước ngoài.</p> <p>ACIA tái khẳng định một số qui định trong hai hiệp định AIA và IGA như nguyên tắc đãi ngộ quốc gia (NT- National Treatment), nguyên tắc tối huệ quốc (MFN- Most Favored Nation), tịch biên và bồi thường, minh bạch trong đầu tư.</p>	
Khác nhau	<p>ACIA bao gồm 49 điều khoản, kèm theo 2 phụ lục và một danh sách bảo lưu của các quốc gia thành viên ASEAN.</p> <p>ACIA là một hiệp định đầu tư khá toàn diện, theo đó hợp tác đầu tư trong ASEAN diễn ra trên bốn trụ cột là (1) Tự do hóa đầu tư, (2) Bảo hộ đầu tư, (3) Thuận lợi hóa đầu tư và (4) Xúc tiến đầu tư. ACIA đề cập rõ ràng mối quan hệ giữa các quy định của Tự do hóa đầu tư và Bảo hộ đầu tư.</p> <p>ACIA dành sự ưu đãi ngay lập tức cho các nhà đầu tư ASEAN và các nhà đầu tư nước ngoài tại ASEAN với thời hạn môi trường đầu tư mở và tự do được rút ngắn vào năm 2015.</p> <p>ACIA đưa ra các định nghĩa liên quan tới khu vực đầu tư ASEAN một cách toàn diện hơn và phù hợp với những hoạt động đầu tư hiện</p>	<p>IGA bao gồm 14 điều khoản và AIA bao gồm 21 điều khoản.</p> <p>IGA tập trung vào hai hoạt động là bảo hộ đầu tư và xúc tiến đầu tư trong khi AIA tập trung vào 3 nội dung (1) Tự do hóa đầu tư, (2) Thuận lợi hóa đầu tư và (3) Xúc tiến đầu tư. Cả hai hiệp định IGA và AIA không đề cập rõ về mối quan hệ giữa các quy định về Tự do hóa đầu tư vào Bảo hộ đầu tư. AIA dành sự ưu đãi cho các nhà đầu tư ASEAN trước tiên với thời hạn vào 2010 và các nhà đầu tư nước ngoài tại ASEAN với thời hạn môi trường đầu tư mở và tự do vào năm 2020.</p> <p>AIA và IGA chỉ đưa ra những định nghĩa rất hẹp về tư cách nhà đầu tư.</p>

So sánh	ACIA	AIA/IGA
	<p>hành. ACIA bổ sung một số định nghĩa mới nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng các qui định liên quan một cách thống nhất.</p> <p>ACIA qui định một cách chi tiết trình tự thủ tục giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư với quốc gia thành viên. ACIA qui định một phần riêng về giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư và quốc gia thành viên từ Điều 28 đến Điều 41. Phạm vi giải quyết tranh chấp là những tranh chấp ảnh hưởng đến quyền lợi cơ bản của các bên liên quan cụ thể những tranh chấp về đối xử quốc gia, đối xử tối huệ quốc, quản trị cấp cao và Hội đồng quản trị, đối xử đầu tư, bồi thường trong trường hợp xung đột; chuyển tiền; quản lý, điều hành.</p>	<p>AIA dẫn chiếu qui định của Nghị định thư về cơ chế giải quyết tranh chấp làm cơ sở để giải quyết tranh chấp giữa các quốc gia thành viên về hoạt động đầu tư, nhưng chỉ dừng lại ở phạm vi các tranh chấp liên quan tới việc giải thích và áp dụng AIA hoặc bất kì thỏa thuận nào khác phát sinh từ AIA.</p>

Nguồn: Nhóm tác giả tự tổng hợp từ Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư (ASEAN IGA, 1987), Hiệp định khung về Khu vực đầu tư ASEAN (AIA, 1997), và Hiệp định đầu tư toàn diện ASEAN (ACIA, 2009).

Ngoài ra, ACIA qui định tự do hóa đầu tư sẽ được thực hiện trong 5 lĩnh vực gồm sản xuất công nghiệp và các ngành dịch vụ liên quan; nông nghiệp và các ngành dịch vụ liên quan; ngư nghiệp và các ngành dịch vụ liên quan; lâm nghiệp và các ngành dịch vụ liên quan; và khai khoáng và khai thác đá và các ngành dịch vụ liên quan¹. Bên cạnh đó để tiến hành tự do hóa một số lĩnh vực và dịch vụ sẽ phát sinh trong tương lai, ACIA qui định hoạt động tự do hóa cũng được mở rộng đối với bất kì lĩnh vực nào được tất cả các quốc gia thành viên tán thành. Để tiến hành xóa bỏ rào cản đối với đầu tư, Điều 7, Điều 8 của ACIA qui định xóa bỏ các biện pháp cấm đầu tư cụ thể cấm các yêu cầu đối với đầu tư nước ngoài (Performance Requirements) và biện pháp liên quan đến quản trị doanh nghiệp. Đây là qui định hoàn toàn mới so với IGA và AIA.

3. FDI của ASEAN và Việt Nam giai đoạn 1995-2013

3.1. FDI của ASEAN giai đoạn 1995-2013

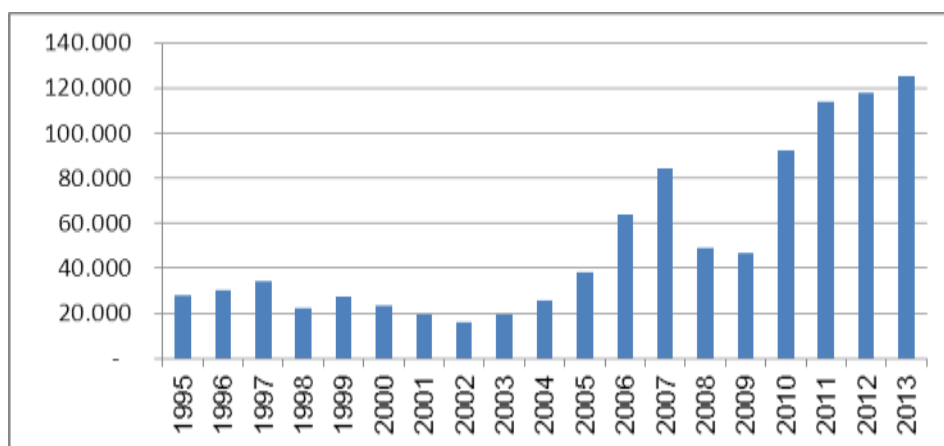
Giai đoạn 1995-2005, dòng FDI vào ASEAN còn rất hạn chế, luôn ở mức dưới 40 tỷ USD/năm. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, đặc biệt là kể từ khi có Hiệp định ACIA, ASEAN đã trở thành một trong những khu vực ngày càng hấp dẫn đối với nhà đầu tư nước ngoài nên các nước thành viên nhờ đó cũng được hưởng lợi này. UNCTAD

¹ Tham khảo Khoản 3 Điều 3 Hiệp định ACIA, 2009.

(2013) đã công bố kết quả khảo sát các công ty đa quốc gia liên quan đến 20 điểm đến hàng đầu trên toàn thế giới đối với vốn FDI trong giai đoạn 2013-2015, có tới 5 nước trong ASEAN gồm Indonesia, Thái Lan, Việt Nam, Malaysia, Philippines nằm trong danh sách này.

Hình 2. Dòng vốn FDI vào ASEAN (1995-2013)

Đơn vị: triệu USD



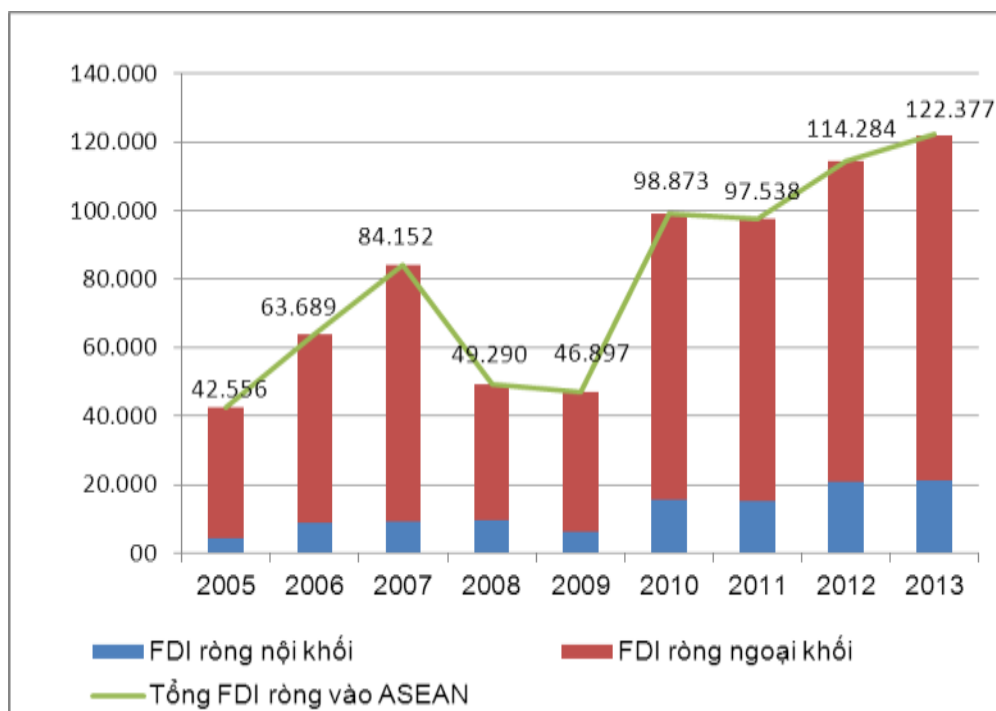
Nguồn: Tác giả tổng hợp từ ASEAN Statistical Yearbook (2006) và ASEAN Investment Statistics Database (cập nhật tháng 7/2014)

Tổng FDI vào ASEAN chủ yếu được đóng góp bởi FDI từ ngoại khối. Trong năm 2013, EU là nguồn cung cấp vốn FDI lớn nhất vào ASEAN (22%) và là đối tác thương mại lớn thứ hai của ASEAN. Đối tác chính thứ hai đầu tư vào ASEAN là Nhật Bản (18,7%). FDI của Nhật Bản tại ASEAN trong năm 2013 đã tăng gấp đôi lên 23 tỷ USD so với năm 2012.² Các công ty đa quốc gia đã và đang tiếp tục mở rộng hoạt động đầu tư của mình tại ASEAN. Các tập đoàn đa quốc gia (TNC) lớn trên thế giới đã có mặt và đang mở rộng hoạt động đầu tư của mình tại ASEAN. Hơn 80% số công ty có tên trong danh sách 500 công ty toàn cầu của Fortune bình chọn đã có mặt tại ASEAN với các công ty hàng đầu thế giới trong lĩnh vực sản xuất ô tô, sản xuất phụ tùng ô tô, sản xuất điện tử và sản xuất dược phẩm. Xu hướng dịch chuyển dòng vốn FDI này đã chứng tỏ rằng các quốc gia ASEAN hiện nay đã mở cửa cho nhà đầu tư nước ngoài thông thoáng hơn, các chính sách thu hút đầu tư trong ACIA đã dần phù hợp với thông lệ quốc tế. Vì vậy, các nhà đầu tư trên thế giới đang tận dụng tối đa cơ hội phát triển tại khu vực này khi AEC chính thức hình thành vào cuối năm 2015.

² Số liệu lấy từ nguồn <http://www.asean.org/news/item/foreign-direct-investment-statistics> (truy cập 5/10/2014).

Hình 3. Dòng vốn FDI ròng vào ASEAN (2005-2013)

Đơn vị: triệu USD



Nguồn: ASEAN Investment Statistics Database (7/2014)

BIC đã công bố kết quả điều tra các công ty Nhật Bản hoạt động ở nước ngoài chọn ra 5 quốc gia hay vùng lãnh thổ mà họ cho là có sức hấp dẫn nhất cho hoạt động đầu tư trong vòng 3 năm tới.³ Kết quả năm 2013 là đặc biệt thú vị, trong đó Indonesia lần đầu tiên đã dẫn đầu trong số các nước có triển vọng, trong khi Trung Quốc mất ghế hàng đầu của mình cho lần đầu tiên kể từ năm 1992 giảm xuống thứ tư. Ngoài Thái Lan (thứ 3) và Việt Nam (thứ 5), trong đó có đặc trưng thường xuyên trong bảng xếp hạng hàng đầu, Myanmar đã tăng lên 8 và Philippines đến 11, với Lào làm cho nó vào top 20 lần đầu tiên. Những kết quả này đã mang chín của 10 nước thành viên ASEAN (Brunei là một ngoại lệ) vào top 20 (Bảng xếp hạng cho các thành viên khác của ASEAN là 12 cho Malaysia, 16 cho Singapore và 17 cho Campuchia).

Mặc dù FDI có tầm quan trọng kinh tế đối với ASEAN, nhiều nước ASEAN vẫn đang hạn chế vốn cổ phần nước ngoài, đặc biệt là trong ngành dịch vụ. Nước nào nới lỏng các chính sách hạn chế sở hữu nước ngoài, FDI vào nước đó tăng lên và tạo ra những lợi ích kinh tế đáng kể cho nước nhận được vốn đầu tư. Tại Cam-pu-chia và Việt Nam, các cải cách đầu tư nước ngoài đã giúp tăng trưởng FDI đáng kể, cũng như việc tự do hóa ngành tài chính tại Phi-líp-pin và Thái Lan trong những năm 1990.⁴ Những nước nới lỏng sở hữu nước ngoài trong ngành dịch vụ chắc chắn sẽ thu hút thêm vốn FDI, điều này sẽ cải thiện tính cạnh tranh của các nhà cung cấp dịch vụ và hàng hóa.

³ Japan Bank for International Cooperation (JBIC), *Survey Report on Overseas Business Operations by Japanese Manufacturing Companies*, subtitled *Results of the JBIC FY2013 Survey: Outlook for Japanese Foreign Direct Investment (25th Annual Survey)*, November 201.

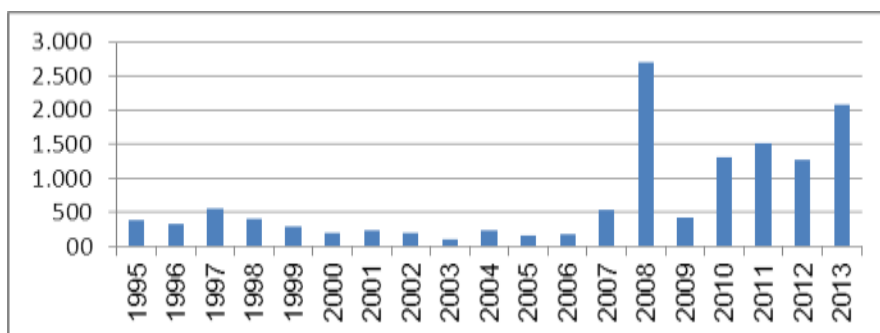
⁴ Tham khảo báo cáo của Ngân hàng thế giới về kinh tế vùng Đông Á và Thái Bình Dương, 4/2014.

3.2. FDI từ ASEAN vào Việt Nam giai đoạn 1995-2013

Các nước ASEAN tuy xuất hiện muộn hơn trên thị trường đầu tư trực tiếp vào Việt Nam nhưng đã có bước tiến khá dài trong những năm gần đây. Từ một số ít dự án mang tính thăm dò thị trường của các quốc gia đi tiên phong là Singapore, Thái Lan, Ấn Độ vào những năm 1995 với tổng số 230 dự án và trên 3 tỷ USD đăng ký đầu tư tại Việt Nam. Ngay sau khi Việt Nam tham gia Hiệp định thương mại tự do ASEAN (AFTA) vào tháng 1/1996, tốc độ thu hút FDI từ các nước ASEAN đã tăng nhanh chóng, đạt tới trên 547 triệu USD vào thời điểm giữa năm 1997. Nhưng một phần do những hạn chế về IGA và AIA như đã bàn luận ở trên, nên FDI từ ASEAN vào Việt Nam giai đoạn 1995-2005 không có gì nổi bật, thậm chí còn có xu hướng giảm. Mặt khác, do ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997 đã khiến các nước ở châu Á nói chung và ASEAN nói riêng bị ảnh hưởng rất lớn nên nguồn FDI nội khối cũng trở nên hạn chế. Tuy nhiên, bước sang năm 2008, nguồn FDI từ ASEAN vào Việt Nam đã có một bước tiến nổi bật với số vốn đầu tư đạt mốc hơn 2,7 tỷ đô la Mỹ. Giai đoạn 2009 - 2013, dòng FDI từ ASEAN vào Việt Nam đã tăng gấp 3-4 lần nhờ các biện pháp khơi thông và thúc đẩy nguồn vốn của Hiệp định ACIA cũng như Việt Nam đã biết tận dụng các thế mạnh về vị trí địa lý và các mặt quan hệ khác với các nước trong khu vực.

Hình 4. Dòng vốn FDI từ ASEAN vào Việt Nam (1995-2013)

Đơn vị: triệu USD



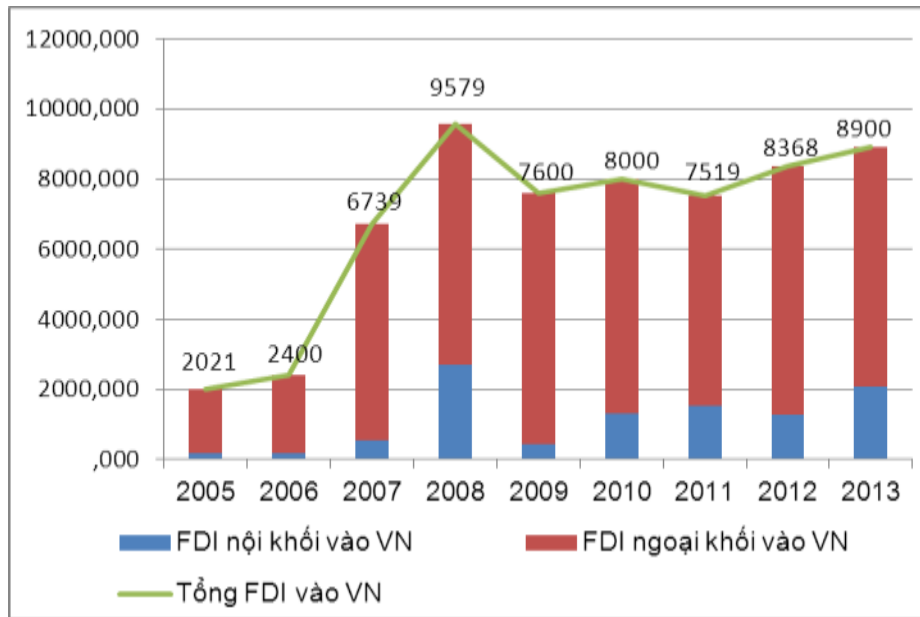
Nguồn: Tác giả tổng hợp từ ASEAN Statistical Yearbook (2006) và

ASEAN Investment Statistics Database (cập nhật tháng 7/2014)

Tuy nhiên, giống như FDI vào ASEAN, trong tổng FDI ròng vào Việt Nam, FDI từ các quốc gia ngoài khối ASEAN vẫn chiếm tỷ trọng lớn hơn 3-5 lần so với FDI nội khối ASEAN vào Việt Nam. Cụ thể, trong hai năm gần đây 2012 và 2013, FDI ngoại khối chiếm lần lượt là 84,9% và 76,6% trong khi FDI từ các nước thành viên chỉ chiếm lần lượt là 15,1% và 23,4% trong tổng số FDI vào Việt Nam.

Hình 5. Dòng vốn FDI ròng vào Việt Nam (2005-2013)

Đơn vị: triệu USD



Nguồn: ASEAN Investment Statistics Database (7/2014)

Trong những năm qua, các nhà đầu tư khu vực ASEAN đã đầu tư vào 18/21 ngành kinh tế theo hệ thống phân ngành của Việt Nam, trong đó lĩnh vực công nghiệp chế biến chế tạo đứng thứ nhất với 950 dự án, tổng vốn đầu tư đăng ký đạt khoảng 20 tỷ USD (chiếm 39% tổng số dự án và chiếm 38,72% tổng vốn đầu tư). Mặc dù ACIA đã cho phép tự do hóa đầu tư trong 5 lĩnh vực như đã thảo luận ở trên nhưng hiện nay, phần lớn đầu tư FDI từ ASEAN vào Việt Nam mới chỉ tập trung trong các lĩnh vực dịch vụ giao thông vận tải, bưu điện, khách sạn du lịch, tài chính ngân hàng, văn hoá và giáo dục. Các dự án quy mô lớn, kỹ thuật hiện đại, hay thuộc lĩnh vực công nghiệp dầu khí, viễn thông, điện tử tin học hiện nay vẫn chiếm lĩnh bởi các doanh nghiệp đến từ châu Âu, Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan và Hồng Kông.

Các nước từ ASEAN đã đầu tư vào 55/63 tỉnh thành của Việt Nam, vốn đầu tư tập trung chủ yếu vào các thành phố lớn, có điều kiện cơ sở hạ tầng phát triển. Thành phố Hồ Chí Minh thu hút 1036 dự án với số vốn đầu tư đăng ký 13,2 tỷ USD (chiếm 42,6% tổng số dự án và 25,46% tổng vốn đầu tư). Tiếp theo là thành phố Hà Nội đã thu hút hơn 390 dự án, tổng vốn đầu tư đăng ký đạt 8,53 tỷ USD (chiếm 16% tổng số dự án và chiếm 16,47% vốn đăng ký). Thứ ba là tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đã thu hút 66 dự án với số vốn đầu tư đăng ký 6,16 tỷ USD (chiếm 2,7% tổng số dự án và 11,89% tổng vốn đầu tư).

Cho đến thời điểm này, Singapore vẫn là nước dẫn đầu trong khu vực ASEAN đầu tư vào Việt Nam với 1.312 dự án, tổng vốn đầu tư đăng ký đạt 31 tỷ USD (chiếm 53,9% tổng số dự án và 59,87% tổng vốn đầu tư đăng ký). Đứng thứ hai là Malaysia với 473 dự án, tổng vốn đầu tư đăng ký đạt 11,83 tỷ USD (chiếm 19,4% tổng số dự án và 22,8% tổng vốn đầu tư đăng ký). Đứng thứ ba là Thái Lan có 365 dự án, tổng vốn đầu tư đăng ký là 6,63 tỷ USD (chiếm 15,01% tổng số dự án và 12,8 % tổng vốn đầu tư đăng ký).

Còn lại theo thứ tự lần lượt là các nước Brunei, Indonesia, Philippines, Lào và Campuchia⁵.

Các lĩnh vực mà các doanh nghiệp Singapore đầu tư vào chủ yếu là các khu công nghiệp chế xuất và lĩnh vực công nghệ, dịch vụ. Nhiều dự án đầu tư từ Singapore đã được tiến hành thực hiện trong những năm gần đây như Tập đoàn Sembcorp (Singapore), liên doanh với Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp Becamex IDC khởi công xây dựng dự án khu phức hợp đô thị, công nghiệp và dịch vụ tại Quảng Ngãi (VSIP Quảng Ngãi). Các nhà đầu tư Singapore gần đây cũng đã đầu tư khoảng 2 tỷ USD vào dự án Samsung Electronics Việt Nam ở tỉnh Thái Nguyên và 1 tỷ USD bổ sung vốn vào nhà máy Samsung Electronics Việt Nam ở tỉnh Bắc Ninh. Ngoài lĩnh vực công nghiệp, các nhà đầu tư Singapore cũng đã thúc đẩy đầu tư vào các lĩnh vực dịch vụ như logistics, giáo dục, y tế. Có thể nhận ra rằng, các lĩnh vực mà các doanh nghiệp Singapore chú trọng đầu tư đều là mối quan tâm hàng đầu hiện tại của Việt Nam gồm các lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo, phát triển cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, bất động sản đô thị, du lịch, logistics. Với xu hướng dòng chảy FDI của các nhà đầu tư Singapore vào Việt Nam ngày một tăng thì Việt Nam có thể đỡ một phần nào gánh nặng trong chiến lược phát triển lâu dài.

4. Triển vọng thu hút FDI của ASEAN và Việt Nam

Sự hình thành AEC vào cuối 2015 được cho là cơ hội mong chờ nhất để xây dựng một ASEAN thống nhất, bớt chia cắt hơn, sẽ khiến các nhà đầu tư lớn từ ngoài khối ASEAN nhìn nhận ASEAN như một thị trường chung, một công xưởng sản xuất chung với nguồn lực thống nhất. Cho đến nay, tổng FDI vào ASEAN cũng như Việt Nam lại chủ yếu đến từ ngoài khối ASEAN. Chính vì vậy, sự hình thành AEC sẽ giúp cho tất cả các nước ASEAN trong việc thu hút FDI vì đó là thị trường chung rộng lớn với thuế suất lưu thông hàng hóa giữa các nước trong khu vực sẽ được cắt giảm dần về 0%.

Trong những năm gần đây, nhờ môi trường đầu tư hấp dẫn, các khu công nghiệp của Việt Nam hiện đều đã đáp ứng được các tiêu chuẩn quốc tế, cơ sở hạ tầng thuận lợi hơn, thời gian cấp giấy phép thành lập công ty, giấy phép kinh doanh, thủ tục hải quan tương đối nhanh, và được hỗ trợ ngay tại các khu công nghiệp giúp các nhà đầu tư có thể nhanh chóng triển khai dự án, nhiều nhà đầu tư nước ngoài chuyển hướng đầu tư sang Việt Nam. Triển vọng FDI tại Việt Nam sáng sủa nhờ những yếu tố thuận lợi (1) lực lượng lao động trẻ dồi dào và năng động, (2) giá nhân công lao động rẻ hơn so với các nước khác trong khu vực, (3) thị trường tiêu thụ lớn với dân số gần 90 triệu dân, và (4) có vị trí địa chiến lược và nền kinh tế đang dần tự do hóa. Tuy nhiên, để có thể thu hút được nhiều dòng vốn FDI chất lượng hơn trong tương lai, Việt Nam cần phải có những chính sách linh hoạt và dài hạn hơn trong việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Đồng thời phải xây dựng nhiều bộ luật mới như Luật Phát triển công nghiệp cơ khí, công nghiệp điện tử... một cách rõ ràng, minh bạch để tạo niềm tin thu hút các nhà đầu tư không chỉ từ nội khối ASEAN mà cả nguồn đầu tư từ các nền kinh tế phát triển.

Trong thời gian gần đây, Singapore, Malaysia, Thái Lan đang có chiến lược thay đổi cơ cấu sản xuất, tập trung nhiều hơn cho hệ thống tài chính, công nghiệp nặng và các ngành công nghệ cao. Với lý do đó kết hợp với vị trí địa lý và nguồn lực về lao động, tự nhiên dồi dào, Việt Nam có thể định hướng và kêu gọi các nhà đầu tư ASEAN chuyển giao công nghệ và đầu tư vào các lĩnh vực nông nghiệp, chế biến nông lâm, hải sản nhằm

⁵ Theo số liệu của Cục đầu tư nước ngoài-Bộ Kế hoạch và Đầu tư (7/2014).

biển Việt Nam trở thành quốc gia cung cấp các sản phẩm nông, lâm nghiệp và hải sản cho khu vực cũng như cho thế giới.

5. Kết luận.

Nhìn chung, suốt chặng đường 18 năm qua (1995 - 2013), các nước ASEAN đã cùng nhau nỗ lực cải cách môi trường đầu tư để ASEAN trở thành khu vực đầu tư hấp dẫn giúp giảm khoảng cách giữa hai khối ASEAN-4 và ASEAN-6. Hiệp định ACIA đã và kỳ vọng sẽ tiếp tục giúp ASEAN nói chung và Việt Nam nói riêng trong việc thúc đẩy thu hút FDI từ ngoại khối và tăng dòng FDI nội khối trong thời gian tới vì việc kết nối và xây dựng một ASEAN thống nhất, bớt chia cắt hơn, sẽ khiến các nhà đầu tư từ những nước phát triển nhìn khu vực ASEAN như công xưởng chung với nguồn lực thống nhất, đặc biệt là nguồn nhân lực có kỹ năng với giá còn tương đối rẻ. Tuy nhiên, sự nhất trí biến ASEAN trở thành một khu vực năng động và phát triển thì mỗi quốc gia cần gây dựng nền tảng kinh tế xã hội vững mạnh hơn, linh hoạt nhạy bén hơn trong chiến lược thay đổi cơ cấu sản xuất và mô hình tăng trưởng cho mình để đón nhận các cơ hội trong tương lai.

Việt Nam được đánh giá là một thị trường đầu tư tiềm năng trong khu vực nhưng chưa thực sự nắm bắt và khai thác một cách triệt để các cơ hội đầu tư từ nước ngoài. Trong khi số lượng các dự án FDI càng ngày càng tăng lên thì Việt Nam tỏ ra lúng túng trong việc làm thế nào để sử dụng FDI một cách hiệu quả. Sự thiếu hụt về cơ sở vật chất nhằm phục vụ cho quá trình đầu tư cho thấy rằng hoạt động sử dụng FDI tại Việt Nam chưa được triển khai đồng bộ. Ngoài ra, Việt Nam cần phải có những chính sách linh hoạt và dài hạn hơn trong việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Đồng thời phải xây dựng nhiều bộ luật mới như Luật Phát triển công nghiệp cơ khí, công nghiệp điện tử... một cách rõ ràng, minh bạch để tạo niềm tin thu hút các nhà đầu tư không chỉ từ nội khối ASEAN mà cả nguồn đầu tư từ các nền kinh tế phát triển.

Tài liệu tham khảo

1. ASEAN, 2006, *ASEAN Statistics Yearbook 2006*
2. ASEAN Investment Statistics Database, 2014, truy cập 5/10/2014, <<http://www.asean.org/news/item/foreign-direct-investment-statistics>>
3. Ban thư kí ASEAN, 1987, *Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư*
4. Ban thư kí ASEAN, 1997, *Hiệp định khung về Khu vực đầu tư ASEAN*
5. Ban thư kí ASEAN, 2009, *Hiệp định đầu tư toàn diện ASEAN*
6. Ban thư kí ASEAN, 2009, *AEC Blueprint*
7. Ban thư kí ASEAN, 2012, *AEC Scorecard*
8. Ban thư kí ASEAN, 2011, *AEC Factbook*
9. Ban thư kí ASEAN, 2006, “*Statistics of FDI in ASEAN*”
10. Ban thư kí ASEAN, 2012, “*ASEAN Investment Report 2012*”
11. Ban thư kí ASEAN, 2013, “*Hiệp định đầu tư toàn diện ASEAN-Sách hướng dẫn cho các doanh nghiệp và nhà đầu tư*”
12. Bộ kế hoạch đầu tư, 2013, “*25 năm đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam*”
13. C.Lin, 2010, “*ASEAN’s Investment Environment: A Comparative Study of Foreign Investment Regulations in Selected ASEAN Members*”
14. Japan Bank for International Cooperation (JBIC), 2013, *Survey Report on Overseas Business Operations by Japanese Manufacturing Companies*, subtitled *Results of the JBIC FY2013 Survey: Outlook for Japanese Foreign Direct Investment (25th Annual Survey)*, November 2013.
15. Ngân hàng Thế giới, 2014, báo cáo “*Cập nhật Kinh tế Khu vực Đông Á-Thái Bình Dương*”
16. Shujiro Urata và Mitsuyo Ando, 2011, “*Study of the Investment Climate of ASEAN Member Countries*”
17. UNCTAD, 2014, “*World Investment Report 2014*”